



Phụ lục

Vị trí cắm biển báo Vành đai biên giới tỉnh Quảng Nam

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HĐND, ngày /01/2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh Quảng Nam)

TT	ĐỊA ĐIỂM	TỌA ĐỘ		CÁCH ĐƯỜNG BIÊN GIỚI (khoảng cách từ 100m đến 1.000m)
		X	Y	
1	Thôn Axoo, xã Anông, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 678)	69300	63260	910
2	Tại thôn Anoonh, xã Anông, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 680, 681)	64300	61150	920
3	Tại thôn Nal, xã Lăng, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 683)	59250	58600	940
4	Tại thôn Nal, xã Lăng, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 684)	57150	55960	910
5	Tại thôn Abaanh II, xã Tr'hy, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 687)	51050	50180	930
6	Tại thôn Ariing, xã Axan, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 689)	54070	45420	925
7	Tại thôn T'râm, xã A Xan, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 690)	52880	43110	910
8	Tại thôn Cha'nóc, xã Ch'om, huyện Tây Giang (khu vực cửa khẩu phụ Tây Giang)	53090	41570	115
9	Tại thôn Cha'nóc, xã Ch'om, huyện Tây Giang (gần mốc quốc giới 693, khu vực cửa khẩu phụ Tây Giang)	52810	39260	115
10	Tại xã Ch'om, huyện Tây Giang (đường từ thôn Ch'nóc đi mốc quốc giới 694)	51400	39400	950
11	Tại xã Ch'om, huyện Tây Giang (đường từ thôn A Tu 1 đi mốc quốc giới 696)	50170	38620	889
12	Tại xã Ch'om, huyện Tây Giang (đường từ thôn A Tu 1 đi mốc quốc giới 697)	49365	39200	900
13	Tại xã Gari, huyện Tây Giang (đường từ thôn Glao đi mốc quốc giới 701)	42240	41920	920
14	Tại xã Gari, huyện Tây Giang (đường từ thôn Glao đi mốc quốc giới 702)	40440	42250	920
15	Tại xã Chợ Chụn, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 703)	40330	42750	933
16	Tại xã Chợ Chụn, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 705)	35680	44850	956
17	Tại xã Chợ Chụn, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 706)	33320	43990	930
18	Tại xã Chợ Chụn, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 708)	32270	44990	954

19	Tại xã La Êê, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 712)	28800	51340	948
20	Tại thôn Đắc Ốc, xã La Êê, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 716)	22580	54570	949
21	Tại thôn Đắc Ốc, xã La Êê, huyện Nam Giang (thuộc khu vực CK Nam Giang)	20000	54020	120
22	Tại thôn Đắc Ốc, xã La Êê, huyện Nam Giang (thuộc khu vực CK Nam Giang)	19220	54570	117
23	Tại thôn Đắc Pênh, xã La Êê, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 718)	18920	55500	910
24	Tại thôn Đắc Pênh, xã La Êê, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 721)	15500	58890	946
25	Tại thôn Xóm 10, xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 723)	16460	62300	927
26	Tại thôn Xóm 10, xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 726)	14690	66990	940
27	Tại xã Đắc Pre, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 727)	13200	69880	934
28	Tại xã Đắc Pring, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 734)	06090	77050	922
29	Tại xã Đắc Pring, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 736)	06370	82480	928
- Theo Bản đồ địa hình đường biên giới quốc gia Việt Nam - Lào. Tỷ lệ: 1/50.000. - Elipxoid WGS-84 lưới chiếu UTM múi 6⁰ kinh tuyến trực trung ương 105⁰ kinh độ đông. - Hệ tọa độ WGS-84 khu vực biên giới Việt Nam - Lào.				